

THƠ BÁCH NGŨ



Do
Bùi Thế Khải JJR 59
giới thiệu

Thơ nửa nạc nửa mỡ

Poupée yêu quý của anh
Le temps ngày tháng xuôi dòng
Công phu kết quả thỏa lòng rêver
Giả thầy anh đã quitter
Le cours thầy dạy anh về Pháp văn
Le bonze tiếng gọi sư tăng
Aimer yếu đuối, la femme má hường
Ce sont những chữ thông thường
Que anh đã học tổ tường vân vân
Succès dẫu có đôi phần
Chômer anh vẫn còn sans việc làm
Divers hãng sở nộp đơn
Anh đều thất bại demande trả về
Lòng sầu lệ muốn tomber
Lời đâu mà cạn mọi bề douleur
Ennui tràn cả mon Coeur
Òu ca kiếm việc bây giờ chérie?

Ici nhận dạy dancer
Mener 3 tháng cam đoan thành tài
La vie sờ sờ xoay xoay
Họa chẳng như thế kiếm được le riz
Sincère anh hỏi chérie
Phương này áp dụng cho mình ou non
Đời chờ em gởi réponse
Chúc em vui vẻ tấm lòng fidèle

Je t'écris tình thơ une letter
Để cho mình connaitre mon Coeur
Depuis mình quitter "je"
Bonheur cũng lắm mà malheur cũng nhiều

Bài học Anh Văn

LONG dài, SHORT ngắn, TALL cao
HERE đây, THERE đó, WHICH nào, WHERE đâu
SENTENCE có nghĩa là câu
LESSON bài học, RAINBOW cầu vồng
HUSBAND là đức ông chồng
DADDY cha-bố, PLEASE DON'T xin đừng
DARLING tiếng gọi em cưng
MERRY vui thích, cái sừng là HORN
Rách rồi xài đồ chữ TORN
TO SING là hát, A SONG là bài
Nói sai sự thật TO LIE
GO đi, COME đến, một vài là SOME
Đứng STAND, LOOK ngó, LIE nằm
FIVE năm, FOUR bốn, HOLD cầm, PLAY chơi
ONE LIFE là một cuộc đời
HAPPY sung sướng, LAUGH cười, CRY kêu
LOVER đích thực người yêu
CHARMING duyên dáng, mỹ miều GRACEFUL
Mặt trăng là chữ THE MOON
WORLD là thế giới, sớm SOON, LAKE hồ
Dao KNIFE, SPOON muỗng, cuộc' HOE
Đêm NIGHT, DARK tối, khổng lồ GIANT
GAY vui, DIE chết, NEAR gần
SORRY xin lỗi, DULL dần, WISE khôn
BURY có nghĩa là chôn
OUR SOULS tạm dịch linh hồn chúng ta
Xe hơi du lịch là CAR
SIR ngài, LORD đức, thưa bà MADAM
THOUSAND là đúng mười trăm
Ngày DAY, tuần WEEK, YEAR năm, HOUR giờ
WAIT HERE đứng đó đợi chờ
NIGHTMARE ác mộng, DREAM mơ, PRAY cầu
Trừ ra EXCEPT, DEEP sâu
DAUGHTER con gái, BRIDGE cầu, POND ao
ENTER tạm dịch đi vào
Thêm FOR tham dự lễ nào lại sai
SHOULDER cứ dịch là vai
WRITER văn sĩ, cái đài RADIO
A BOWL là một cái tô
Chữ TEAR nước mắt, TOMB mộ, MISS cô
May khâu tạm dung chữ SEW
Kẻ thù địch đại là FOE chẳng làm
SHELTER tạm dịch là hầm
Chữ SHOUT la hét, nói thầm' WHISPER
WHAT TIME là hỏi mấy giờ
CLEAR trong, CLEAN sạch, mờ mờ là DIM
Gặp ông ta dịch SEE HIM
SWIM bơi, WADE lội, DROWN chìm chết trôi
MOUNTAIN là núi, HILL đồi
VALLEY thung lũng, cây sồi OAK TREE
Tiền xin đóng học SCHOOL FEE
Cho tôi dùng chữ GIVE ME chẳng làm
TO STEAL tạm dịch "cầm lăm"
Tây chạy BOYSCOTT, gia cầm POULTRY
CATTLE súc vật, ong BEE
SOMETHING TO EAT chút gì để ăn
LIP môi, TONGUE lưỡi, TEETH răng
EXAM thi cử, cái bằng LICENSE...